TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 149/2022/DS-ST
Ngày 30/09/2022
V/v *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt

2. Bà Đinh Kim Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy – Thư ký tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30/09/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 38/2022/DSST ngày 15/04/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 553/2022/QĐXXST-DS ngày 16/08/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 606/2022/QĐST-DS ngày 09/09/2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Q, trụ sở số A, đường P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh. *Người đại diện theo uỷ quyền* (văn bản uỷ quyền số 75854.21 ngày 08/10/2021) bà Lại Thị L và bà Nguyễn Thị Minh H (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 1983. Cư trú số I, đường T, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Ngân hàng thương mại cổ phần Q trình bày:

1.1 Tại đơn khởi kiện ngày 08/10/2021, bản tự khai ngày 20/06/2022, ngày 30/09/2022: (i) Ngày 22/05/2018, Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Bé C có ký hợp đồng tín dụng số 365.HDTD838.18 có nội dụng: Số tiền vay 85.000.000 đồng để tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất 18,5%/năm. (ii) Ngày 01/06/2018, Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Bé C có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 000000000155443, hạn mức thẻ 30.000.000 đồng.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, bà Nguyễn Thị Bé C đã vi phạm các nội dung đã thỏa thuận. Vì vậy, ngân hàng đã chuyển khoản vay thành nợ quá hạn từ ngày 10/08/2018. Tính đến ngày 30/09/2022, bà Nguyễn Thị Bé C còn nợ ngân hàng: (i) Đối với hợp đồng tín dụng số 365.HDTD838.18: *Nợ gốc là 84.498.577 đồng; Nợ lãi là 44.378.568 đồng; Nợ lãi quá hạn là 42.817.143 đồng; Tổng cộng là 171.694.288 đồng.* (ii) Đối với thẻ 000000000155443: *Nợ gốc là 29.031.628 đồng; Nợ lãi là 10.485.622 đồng; Phí thẻ 16.630.083 đồng; Tổng cộng là 56.147.333 đồng*.

Tổng cộng (i) và (ii) là 227.841.621 đồng (171.694.288 đồng + 56.147.333 đồng). Do đó, ngân hàng yêu cầu toà án buộc bà Nguyễn Thị Bé C phải trả ngay cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ là 227.841.621 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 30/09/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

1.2. Tại biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/06/2022, ngày 14/07/2022 ngân hàng không bổ sung, cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

1.3 Tại phiên tòa, ngân hàng vẫn giữ nguyên các yêu cầu.

2. Bà Nguyễn Thị Bé C vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa.

3. Ý kiến của kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh tại phiên toà: (i) Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng theo các quy định của pháp luật. (ii) Về nội dung, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

I. Về tố tụng:

1. Bà Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 1983. Cư trú số I, đường T, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ điều 28 khoản 1, điều 35, điều 39 khoản 1 điểm a Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị Bé C đến Tòa án để viết bản tự khai, triệu tập hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, triệu tập hai lần để tham gia phiên tòa xét xử, nhưng bà Nguyễn Thị Bé C vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, có nghĩa bà Nguyễn Thị Bé C đã từ bỏ các quyền được pháp luật quy định. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà

Nguyễn Thị Bé C theo quy định tại điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

II. Về nội dung

1. Xét yêu cầu của ngân hàng buộc bà Nguyễn Thị Bé C phải trả ngay số tiền 227.841.621 đồng và tiền lãi phát sinh sau ngày 30/09/2022 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

1.1 Căn cứ hợp đồng tín dụng số 365.HDTD838.18 và Thẻ 000000000155443, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Bé C còn nợ ngân hàng tổng là 227.841.621 đồng, trong đó: Nợ gốc là 113.530.205 đồng; Nợ lãi là 54.864.190 đồng; Nợ lãi quá hạn 42.817.143 đồng; Phí thẻ 16.630.083 đồng. Do đó, yêu cầu của ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

1.2 Về tiền lãi: Điều 3 khoản 2 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy đinh "*Trường hợp có quy định khác nhau giữa các luật tổ chức tín dụng và các luật khác có liên quan ... thì áp dụng theo quy định của luật tổ chức tín dụng".* Điều 91 khoản 2 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 "*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thoả thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật".* Điều 8 nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định *"Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập trước ngày 01/01/2017 được xác định như sau: (i) Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả. (ii) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với Luật các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng".* Theo đó, Ngân hàng là tổ chức tín dụng và bà Nguyễn Thị Bé C thoả thuận lãi suất được áp dụng theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

1.3 Về yêu cầu của ngân hàng yêu cầu toà án buộc bà Nguyễn Thị Bé C phải trả ngay cho ngân hàng tổng số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy Toà án không có thẩm quyền ấn định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành, trừ trường hợp các bên có thoả thuận. Mặt khác, yêu cầu của ngân hàng không đúng với quy định của pháp luật về thi hành án dân sự, nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

2. Do yêu cầu của ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bà Nguyễn Thị Bé C phải nộp án phí trên số tiền 227.841.621 đồng.

Từ những nhận định trên, hội đồng xét xử căn cứ:

Một: Điều 103 khoản 2 Hiến Pháp năm 2013 quy định *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm"*.

Hai: Điều 12 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định *"Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân xét xử vụ án dân sự, Thẩm phán giải quyết việc dân sự độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, việc giải quyết việc dân sự của Thẩm phán dưới bất kỳ hình thức nào"*.

Ba: Điều 9 Luật tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 quy định *"Thẩm phán, Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nghiêm cấm cơ quan, tổ chức, cá nhân can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm dưới bất kỳ hình thức nào. Cá nhân, cơ quan, tổ chức có hành vi can thiệp vào việc xét xử của Thẩm phán, Hội thẩm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật"*.

Bốn: Điều 3 Bộ quy tắc đạo đức và ứng xử của Thẩm phán Việt Nam số 87/QĐ-HĐTC do Hội đồng tuyển chọn giám sát thẩm phán quốc gia ban hành ngày 04/07/2018 quy định *"Trong quá trình giải quyết vụ việc, Thẩm phán tự quyết định trên cơ sở đánh giá của mình về tình tiết vụ việc, chứng cứ và chỉ tuân theo pháp luật; giữ gìn bản lĩnh nghề nghiệp để không bị tác động từ bất kỳ sự can thiệp nào. Thẩm phán phải độc lập với các thành viên của hội đồng xét xử, độc lập với những người tiến hành tố tụng khác, độc lập với các yếu tố tác động từ bên trong nội bộ và bên ngoài tòa án"*.

QUYẾT ĐỊNH

1. Áp dụng điều 26 khoản 3, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a, điều 186, điều 207 khoản 1, điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3 khoản 2, Điều 91 khoản 2, điều 95, điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 8 nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP; Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Bé C phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần Q tổng số tiền là 227.841.621 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm hai mươi mốt) đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Bé C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2. Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016. Bà Nguyễn Thị Bé C phải nộp 11.392.081 (Mười một triệu ba chín mươi hai ngàn không trăm tám mươi mốt) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ngân hàng thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.939.000 (Bốn triệu chín trăm ba mươi chín ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0008751 ngày 18/03/2022 của chi cục thi hành án dân sự quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng thương mại cổ phần Q được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Bé C được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- TANDTPHCM.
- VKSNDQ4;
- THADSQ4.
- Đương sự
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Hiền

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

I. Vào lúc 10 giờ ngày 30/09/2022, tại phòng nghị án tòa án nhân dân quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

1. Ông Nguyễn Quang Hiền - Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa
2. Bà Nguyễn Thị Đông Nguyệt – Hội thẩm nhân dân
3. Bà Đinh Kim Hoàng – Hội thẩm nhân dân

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số 38/2022/DSST ngày 15/04/2022 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 553/2022/QĐXXST-DS ngày 16/08/2022, quyết định hoãn phiên tòa số 606/2022/QĐST-DS ngày 09/09/2022.

II. Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết 3/3 thống nhất quyết định những vấn đề sau:

1. Áp dụng điều 26 khoản 3, điều 35 khoản 1 điểm a, điều 39 khoản 1 điểm a, điều 186, điều 207 khoản 1, điều 227 khoản 2 điểm b Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 3 khoản 2, Điều 91 khoản 2, điều 95, điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 8 nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP; Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bà Nguyễn Thị Bé Chuộng phải trả cho ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam tổng số tiền là 227.841.621 đồng (Hai trăm hai mươi bảy triệu tám trăm bốn mươi mốt ngàn sáu trăm hai mươi mốt) đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị Bé Chuộng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2. Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí năm 2015, nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí toà án ngày 30/12/2016. Bà Nguyễn Thị Bé Chuộng phải nộp 11.392.081 (Mười một triệu ba chín mươi hai ngàn không trăm tám mươi mốt) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.939.000 (Bốn triệu chín trăm ba mươi chín ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0008751 ngày 18/03/2022 của chi cục thi hành án dân sự quận 4, thành phố Hồ Chí Minh.

3. Áp dụng điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ngân hàng thương mại cổ phần quốc tế Việt Nam được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị Bé Chuộng được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật. Kết quả biểu quyết 3/3.

Biên bản nghị án kết thúc cùng ngày, các thành viên trong hội đồng xét đã đọc lại biên bản và ký tên.